

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

SỔ KẾ HOẠCH VÀ ĐĂNG KÝ SỐ: 11/2016/QĐ-UBND

Nha Trang, ngày 17 tháng 6 năm 2016

ĐẾN Số:.....A3502.....
Ngày:.....20/7.....
Chuyển.....
Lưu hồ sơ số:.....

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất, thuê nhà, cơ sở hạ tầng đối với dự án đầu tư công trình thuộc các lĩnh vực: Giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa; thể dục thể thao; môi trường; giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về



chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2009/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về một số cơ chế chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số ~~24/15~~/TTr-STC, ngày ~~15~~ tháng ...~~6~~.. năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất, thuê nhà, cơ sở hạ tầng đối với dự án đầu tư công trình thuộc các lĩnh vực: Giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa; thể dục thể thao; môi trường; giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế các Quyết định sau:

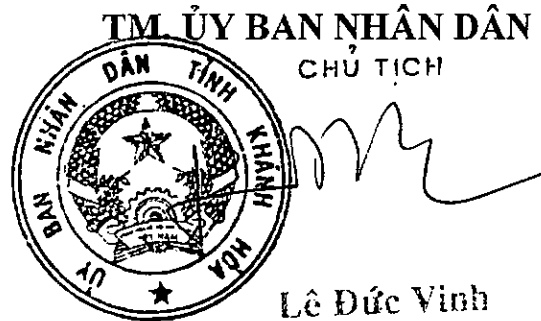
- Quyết định số 33/2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2011 của UBND tỉnh Khánh Hòa Ban hành Quy định về chế độ giao đất, cho thuê đất; chế độ miễn, giảm thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với dự án đầu tư sử dụng đất đô thị, đất ở để xây dựng công trình xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

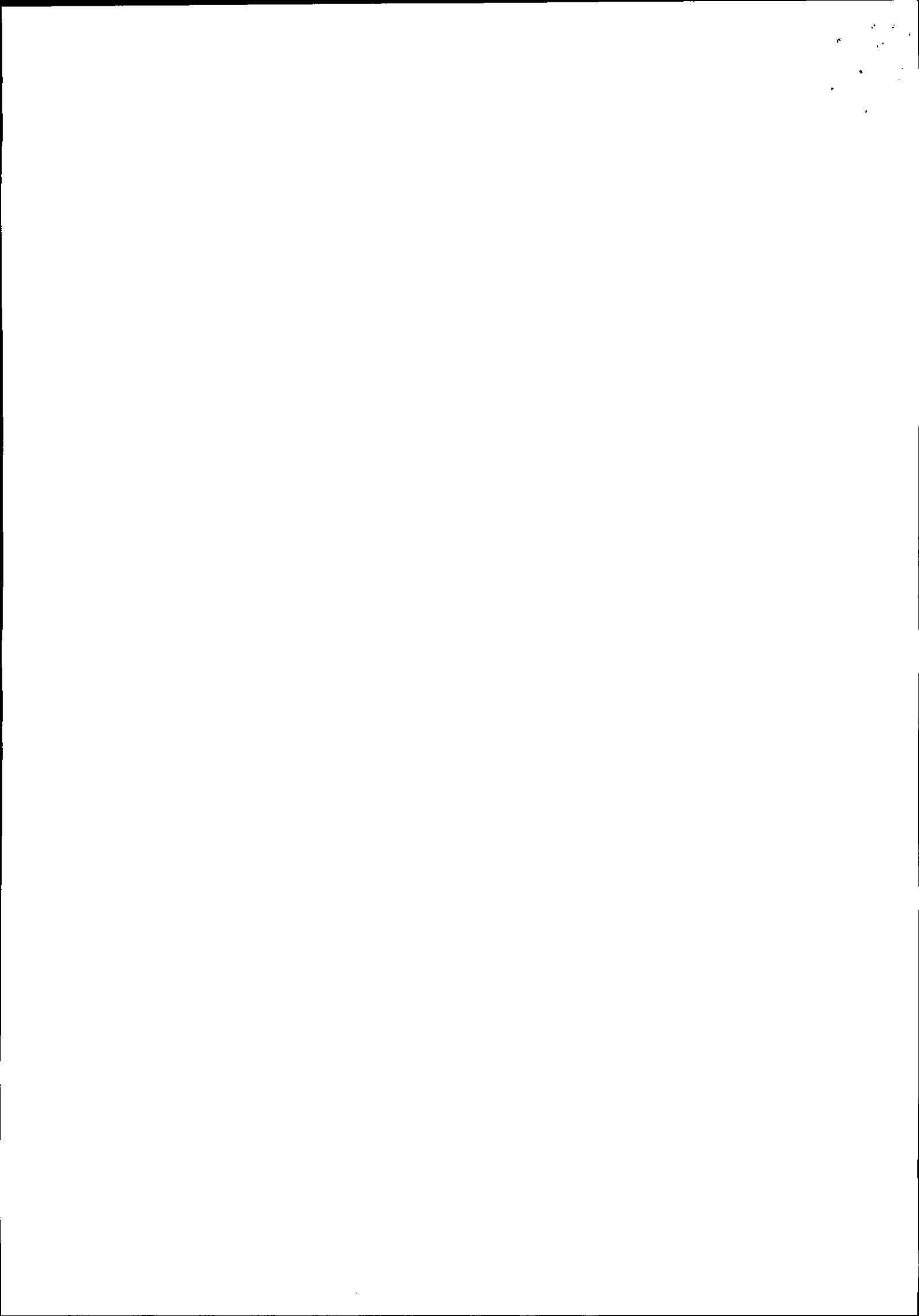
- Quyết định số 19/2012/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa Về việc bổ sung, sửa đổi quy định ban hành kèm theo Quyết định số 33/2011/QĐ-UBND ngày 07/11/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về chế độ giao đất, cho thuê đất; chế độ miễn, giảm thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng đất đô thị, đất ở để xây dựng công trình xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra Văn bản);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Khánh Hòa;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Đài PT-TH Khánh Hòa;
- Báo Khánh Hòa;
- Lưu: VT, CVNCTH.- Trung tâm Công báo tỉnh Khánh Hòa;
- Đài PT-TH Khánh Hòa;
- Báo Khánh Hòa;
- Lưu: VT, CVNCTH.





QUY ĐỊNH

Về chế độ miễn, giảm tiền thuê đất, thuê nhà, cơ sở hạ tầng đối với dự án đầu tư công trình thuộc các lĩnh vực: Giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa; thể dục thể thao; môi trường; giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Các dự án đầu tư xây dựng sử dụng đất để xây dựng công trình thuộc các lĩnh vực: Giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa; thể dục thể thao; môi trường; giám định tư pháp (sau đây gọi tắt là công trình xã hội hóa), phù hợp quy hoạch xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có quy hoạch xây dựng, thì thực hiện theo quy hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Mục I Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn phạm vi đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ quy định về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; y tế; văn hóa; thể dục thể thao; môi trường; giám định tư pháp (sau đây gọi tắt là cơ sở thực hiện xã hội hóa).

Điều 3. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa

Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực: Giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa; thể dục thể thao; môi trường thuộc danh mục loại hình và đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ được hưởng các chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ và Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Miễn, giảm tiền thuê đất

1. Miễn tiền thuê đất đối với tất cả các dự án thuộc các lĩnh vực: Giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa; thể dục thể thao; môi trường; giám định tư pháp trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố, trừ địa bàn các phường thuộc thành phố Nha Trang, đủ điều kiện hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa quy định tại Điều 3 Quy định này.

2. Các dự án đầu tư tại các phường trên địa bàn thành phố Nha Trang quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Quy định này, đủ điều kiện hưởng chính sách xã hội hóa quy định tại Điều 3 Quy định này, được giảm 50% tiền thuê đất. Các dự án đầu tư tại các phường trên địa bàn thành phố Nha Trang quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Quy định này, đủ điều kiện hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa quy định tại Điều 3 Quy định này, được miễn 100% tiền thuê đất.

3. Các ngành, lĩnh vực được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư, được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư của pháp luật đầu tư và chính sách ưu đãi theo Quy định này.”

Điều 5. Giá đất, tỷ lệ % tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm để tính miễn, giảm, thu tiền thuê đất

1. Tỷ lệ % để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm:

Stt	Loại đất, Địa bàn	Tỷ lệ (%)		
		Lĩnh vực không ưu đãi đầu tư	Lĩnh vực ưu đãi đầu tư	Lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư
I	Nhóm đất nông nghiệp: gồm đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất rừng sản xuất, đất làm muối, đất nông nghiệp khác.			
1	Thành phố Nha Trang (trừ các đảo).	1	0,75	0,5
2	Các địa bàn còn lại trong tỉnh	0,5	0,5	0,5
II	Nhóm đất phi nông nghiệp			
1	Thành phố Nha Trang (trừ các đảo)	1	0,75	0,5
2	Các địa bàn còn lại trong tỉnh	0,5	0,5	0,5

2. Giá đất để tính tiền thuê đất:

a) Đối với trường hợp được miễn tiền thuê đất:

Giá đất để tính tiền thuê đất được xác định theo phương pháp hệ số điều chỉnh quy định tại Điều 4 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

b) Đối với trường hợp được giảm tiền thuê đất (dự án trên địa bàn phường thuộc thành phố Nha Trang): Giá đất để tính tiền thuê đất được xác định theo quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

c) Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê mà thời hạn thuê đất nhỏ hơn thời hạn của loại đất quy định tại Bảng giá đất thì giá đất để xác định đơn giá thuê đất được xác định theo công thức sau:

$$\text{Giá đất của thời hạn thuê đất} = \frac{\text{Giá đất tại Bảng giá đất}}{\text{Thời hạn của loại đất tại Bảng giá đất}} \times \text{Thời hạn thuê đất}$$

3. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê mà được miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê hoặc được miễn tiền thuê đất cho một số năm nhưng có nguyện vọng được nộp tiền thuê đất cho thời gian thuê đất còn lại mà không hưởng ưu đãi theo quy định tại điểm 6 Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP thì tiền thuê đất phải nộp được xác định theo chính sách và giá đất tại thời điểm UBND tỉnh cho phép việc nộp tiền thuê đất. Thời điểm cho phép việc nộp tiền thuê đất căn cứ vào nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản cho phép việc nộp tiền. Cơ sở thực hiện xã hội hóa có các quyền theo quy định của pháp luật về đất đai đối với quyền thuê đất của thời hạn sử dụng đất còn lại tương ứng với hình thức thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê.

4. Xử lý tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng: Căn cứ vào khả năng ngân sách địa phương, UBND tỉnh cân đối, xem xét quyết định việc chi trả một phần hoặc toàn bộ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng từ nguồn ngân sách để thực hiện dự án xã hội hóa đối với các dự án cần thiết.

Điều 6. Miễn, giảm tiền thuê nhà, cơ sở hạ tầng

1. Giảm 50% tiền thuê nhà hiện có của nhà nước để thực hiện dự án xã hội hóa đủ điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa quy định tại Điều 3 Quy định này, theo đơn giá thuê nhà quy định tại Khoản 2 Điều này. Giá cho thuê cơ sở hạ tầng do UBND tỉnh quyết định cho từng trường hợp cụ thể.

2. Giá cho thuê nhà để tính giảm, thu tiền thuê nhà:

a) Tại đô thị các huyện, thị xã, thành phố:

Đơn vị tính: Đồng/m²sử dụng/tháng

STT	VỊ TRÍ NHÀ CHO THUÊ	NHÀ TẠM		NHÀ CẤP 4		NHÀ CẤP 3,2		NHÀ CẤP 1	
		Diện tích sử dụng		Diện tích sử dụng		Diện tích sử dụng		Diện tích sử dụng	
		Chính	Phụ	Chính	Phụ	Chính	Phụ	Chính	Phụ
1	Vị trí 1, đường phố loại 1	39.000	13.000		19.000		19.500		20.000
1.1	Tầng 1			56.000		56.500		57.000	
1.2	Tầng 2			25.500		26.000		26.500	
1.3	Tầng 3 trở lên					20.000		21.000	

2	Vị trí 1, đường phố loại 2	31.000	10.500		15.000		15.500		16.500
2.1	Tầng 1			44.000		45.000		45.500	
2.2	Tầng 2			22.000		21.000		21.500	
2.3	Tầng 3 trở lên					16.500		17.000	
3	Vị trí 1, đường phố loại 3	26.000	8.500		12.500		13.000		13.500
3.1	Tầng 1			37.000		37.500		38.500	
3.2	Tầng 2			17.000		17.500		18.000	
3.3	Tầng 3 trở lên					13.500		14.500	
4	Vị trí 1, đường phố loại 4	22.000	7.000		10.500		11.000		11.500
4.1	Tầng 1			31.000		32.000		32.500	
4.2	Tầng 2			14.500		15.000		15.500	
4.3	Tầng 3 trở lên					11.500		12.500	
5	Vị trí 1, đường phố loại 5	18.000	6.000		8.500		9.000		10.000
5.1	Tầng 1			26.000		26.500		27.500	
5.2	Tầng 2			12.500		13.000		13.500	
5.3	Tầng 3 trở lên					10.500		11.000	

- Góc lửng: Đơn giá cho thuê tính bằng 70% đơn giá cho thuê tầng 2.

- Đối với nhà có chiều sâu lớn hơn 15 mét tính từ chỉ giới cho phép xây dựng của vị trí 1 thì phần diện tích (chính+phụ) ở phía sau, tính từ mét thứ 15 trở lên: Giá cho thuê tính bằng 80% mức giá quy định (hệ số chung cho các tầng).

- Các vị trí còn lại (không tiếp giáp mặt tiền đường):

+ Vị trí 2, vị trí 3: Giá cho thuê tính bằng 60% so với giá cho thuê vị trí 1;

+ Vị trí 4 trở lên: Giá cho thuê tính bằng 50% so với giá cho thuê vị trí 1.

- Diện tích sàn sử dụng chính là diện tích sử dụng toàn bộ căn nhà trừ đi phần diện tích sử dụng phụ được xác định như sau:

+ Diện tích hành lang, cầu thang, lối đi của căn nhà hoặc các phòng;

+ Diện tích tiền sảnh, loggia, ban công;

+ Diện tích kho dụng cụ có diện tích từ 03 m² trở xuống.

b) Tại nông thôn các huyện, thị xã, thành phố:

Giá cho thuê nhà được tính bằng 50% giá cho thuê nhà tại đô thị các huyện, thị xã, thành phố tương ứng với mức giá thuê nhà từng vị trí, loại đường, loại nhà (cấp, tầng) quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

Điều 7. Xử lý chuyển tiếp

1. Các dự án thuộc đối tượng và đủ điều kiện được hưởng chính sách xã hội hóa quy định tại các Điều 2, 3 Quy định này, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất, cho thuê đất kể từ ngày Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ có hiệu lực thi hành đến trước ngày Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ có hiệu lực nhưng chưa nộp tiền thuê đất, tiền sử dụng đất thì được hưởng chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại Quyết định 33/2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2011 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

2. Các dự án thuộc đối tượng và đủ điều kiện được hưởng chính sách xã hội hóa quy định tại các Điều 2, 3 Quy định này, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cho thuê đất kể từ ngày Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ có hiệu lực thi hành đến trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa nộp tiền thuê đất thì được hưởng chính sách miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Lê Đức Vinh

100

PHỤ LỤC 1

CÁC DỰ ÁN XÃ HỘI HÓA ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC PHƯỜNG THUỘC THÀNH PHỐ NHA TRANG ĐƯỢC GIẢM 50% TIỀN THUÊ ĐẤT

(Đính Kèm Quy định ban hành theo Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

<i>Stt</i>	<i>Lĩnh vực</i>	<i>Loại hình dự án</i>
A	GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO	
I	Giáo dục	
1		Trường Tiểu học
2		Trường trung học cơ sở
3		Trường trung học phổ thông
II	Đào tạo nghề nghiệp	
1		Trường trung cấp chuyên nghiệp
2		Trường cao đẳng
3		Trường đại học
III	Cơ sở cung cấp dịch vụ phục vụ giáo dục đào tạo	
1		Cơ sở dịch vụ ăn uống cho học sinh, sinh viên
2		Cơ sở dịch vụ nhà ở cho học sinh, sinh viên
3		Trung tâm kiểm định chất lượng đào tạo (đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề và giáo dục phổ thông)
4		Trung tâm hỗ trợ đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực
5		Cơ sở đầu tư hạ tầng giáo dục và đào tạo
6		Cơ sở sản xuất trang, thiết bị trường học và đồ chơi trẻ em
B	Y TẾ	
I	Cơ sở khám, chữa bệnh	

1		Bệnh viện, viện có giường bệnh, cơ sở điều dưỡng và phục hồi chức năng
1.1		Bệnh viện đa khoa
1.2		Bệnh viện chuyên khoa
2		Phòng khám
2.1		Phòng khám chuyên khoa; phòng chẩn trị y học cổ truyền
2.2		Phòng khám đa khoa
2.3		Trung tâm tư vấn về sức khỏe và kế hoạch hóa gia đình
II	Các cơ sở y tế dự phòng	
1		Cơ sở cung cấp dịch vụ tiêm phòng ở ngoài; dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm thuộc lĩnh vực y tế dự phòng
2		Cơ sở cung cấp dịch vụ phun hóa chất diệt khuẩn, diệt côn trùng; dịch vụ tư vấn phòng bệnh; dịch vụ tư vấn vệ sinh môi trường; dịch vụ thông tin và giáo dục sức khỏe
3		Cơ sở tư vấn, chăm sóc và hỗ trợ cho người nhiễm HIV/AIDS
III	Vệ sinh an toàn thực phẩm, dược và mỹ phẩm	
1		Cơ sở cung cấp dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm
2		Cơ sở cung cấp dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm và sinh phẩm y tế; đánh giá sinh khả dụng và tương đương sinh học
C	VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	
I	Văn hóa	
1		Di sản văn hóa
1.1		Cơ sở bảo tồn và hành nghề truyền thống
1.2		Cơ sở trình diễn/ diễn xướng dân gian

1.3		Cơ sở tổ chức thi công bảo quản tu bổ và phục hồi di tích
1.4		Cơ sở nghiên cứu và đào tạo về bảo tồn di sản văn hóa
2		Điện ảnh
2.1		Cơ sở sản xuất phim
2.2		Cơ sở dịch vụ sản xuất phim
2.3		Cơ sở xuất khẩu phim
2.4		Cơ sở chiếu phim và video
3		Nghệ thuật biểu diễn
3.1		Các đơn vị nghệ thuật sân khấu (Tuồng, Chèo, Cải lương, Múa rối, Xiếc, Kịch, Dân ca; Giao hưởng hợp xướng Opera, Balê
4		Văn hóa cơ sở
4.1		Trung tâm văn hóa ngoài công lập cấp huyện, cấp xã
4.2		Khu văn hóa đa năng ngoài công lập
4.3		Nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động ở nông thôn
4.4		Nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động khu vực huyện thị
4.5		Nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động ở các huyện, thành phố
5		Mỹ thuật Nhiếp ảnh và Triển lãm
5.1		Vườn tượng
5.2		Trung tâm bảo tồn, phát triển mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm văn hóa nghệ thuật
6		Thư viện
6.1		Thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng
II	Thể thao	
1		Cơ sở đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao (năng khiếu và thành tích cao)
2		Sân thể thao, bao gồm: Sân điền kinh, sân bóng đá, sân bóng chày, sân cầu lông, sân quần vợt, sân bóng rổ, sân bóng

		ném, sân tập, sân vận động, khu liên hợp thể thao
3		Bể bơi, bể nhảy cầu, bể vẫy, bể hỗn hợp, câu lạc bộ bơi lội, câu lạc bộ thể thao dưới nước
4		Nhà tập luyện thể thao
5		Liên đoàn, hiệp hội thể thao
6		Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp
7		Đơn vị sản xuất dụng cụ thể dục thể thao
8		Cơ sở lưu trú, ký túc xá của vận động viên thể thao

PHỤ LỤC 2

CÁC DỰ ÁN XÃ HỘI HÓA ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC PHƯƠNG THUỘC THÀNH PHỐ NHA TRANG ĐƯỢC MIỄN 100% TIỀN THUÊ ĐẤT (Đính Kèm Quy định ban hành theo Quyết định số 11 /2016/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

<i>Stt</i>	<i>Lĩnh vực</i>	<i>Loại hình dự án</i>
A	GIÁO DỤC- ĐÀO TẠO- DẠY NGHỀ	
I		Giáo dục
1		Xây dựng trường mầm non
II		Dạy nghề
1		Cao đẳng
2		Trung cấp nghề
3		Trung tâm dạy nghề
B	Y TẾ	
I		Cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập
II		Đầu tư xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy, cai nghiện thuốc lá
III		Cơ sở thực hiện vệ sinh phòng chống dịch bệnh
IV		Thành lập trung tâm lão khoa
C	VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	
I		Các đơn vị nghệ thuật Ca- Múa-Nhạc dân tộc
II		Xây dựng bảo tàng
III		Xây dựng trung tâm đào tạo, huấn luyện thể thao thành tích cao, thể thao vui chơi cho người tàn tật, cơ sở thể thao có thiết bị, phương tiện luyện tập và thi đấu đáp ứng



		yêu cầu tổ chức các giải thi đấu quốc tế
D	MÔI TRƯỜNG	
I		Cơ sở thu gom, vận chuyển rác thải
II		Cơ sở xử lý rác thải
III		Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn nguy hại (kể cả chất thải y tế)
IV		Cơ sở xử lý chất thải rắn (kể cả chất thải y tế)
V		Cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt tập trung
VI		Cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ phân tán
VII		Cơ sở xây dựng hệ thống nhà vệ sinh công cộng tại các đô thị
VIII		Cơ sở sản xuất năng lượng tái tạo từ sức gió, ánh sáng mặt trời, thủy triều, địa nhiệt, năng lượng sinh học, sản xuất năng lượng sạch từ việc tiêu hủy chất thải ô nhiễm môi trường
IX		Cơ sở hỏa táng
X		Cơ sở cung cấp nước sạch
XI		Cơ sở quan trắc và phân tích môi trường